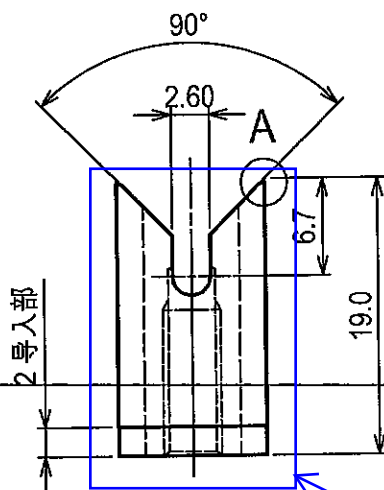
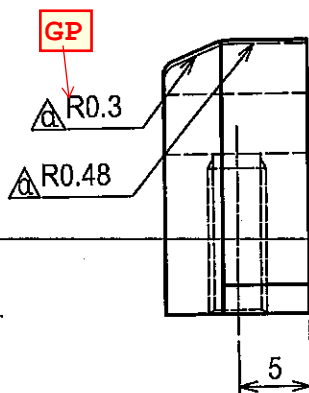
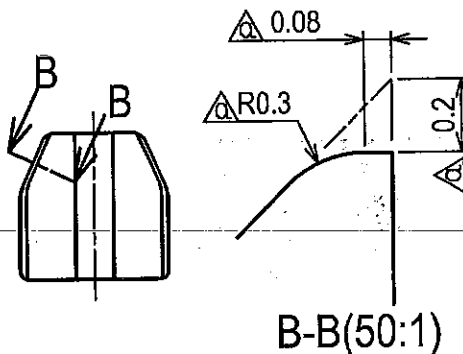
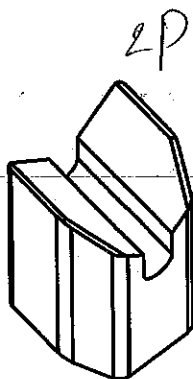


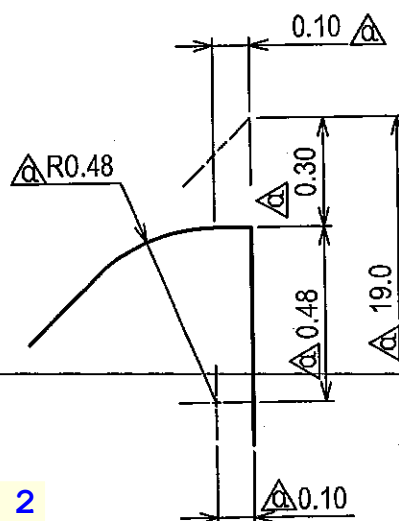
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	D.W.N.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.						0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△a	2015/03/24	刃口破損対策/図面CAD				0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
FINISH MARKS			
G			

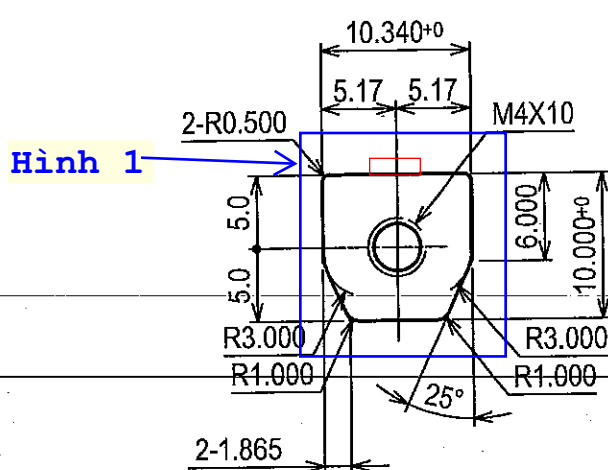
213 107 175A.



Hình 2



A (50:1)



Hình 1

EW1
 -Ra 磨削 T20*15*12
 -Cắt bao hình 1
GS1:
 -Mài gờ dây
 -Lướt sáng 1 mặt đáy
EW2: cắt bao hình 2

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
K.Matsumoto	H.Kouno	部品図		切起しパンチ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		LOUVERING PUNCH
IRC 0°~0°		部品図		切起沖頭
MATERIAL	DATE	SCALE		切起沖頭
WC(D30/HIP)	2015/03/24	2:1		DWG.No.
				S013360

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

SNO: **S013360**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T20*16*13	EW1:150 GS1:25 EW2:60 EN:90 GP:60 AF:20 KT